

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN

DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR
MÔN : CƠ LÝ THUYẾT 1 * SỐ TÍN CHỈ : 02

MÃ MÔN : MEC - 201 Học kỳ : Hè
Lần thi : 1

Thời gian : 13h30 - 10/07/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
1	132234859	Trịnh Xuân Kiên	K13KTR1	10			5		8			5.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
2	122230538	Phùng Tuấn An	K14KTR1	5			5		5			5	5.0	Năm		
3	152235835	Nguyễn Đắc Thanh Tùng	K15KTR1	10			7.5		6.5			8	8.0	Tám		
4	152232813	Trương Hoàng Quốc Bảo	K15KTR1	7			5		5			6	5.9	Năm phẩy Chín		
5	152232980	Nguyễn Thị Yên	K15KTR1	10			5		7			7.5	7.4	Bảy phẩy Bốn		
6	152233005	Nguyễn Tấn Hiền	K15KTR1	7			8		5			2	0.0	Không		
7	152235532	Nguyễn Đặng Tuấn Phúc	K15KTR1	6			6.5		6			8.5	7.5	Bảy phẩy Năm		
8	152233003	Hồ An Bảo Trung	K15KTR1	10			5		4			6	6.2	Sáu phẩy Hai		
9	152233047	Trần Thế Vũ	K15KTR1	7			5		6			4.5	5.2	Năm phẩy Hai		
10	152232936	La Đức Anh	K15KTR1	7			4.5		7			7	6.6	Sáu phẩy Sáu		
11	152233033	Thân Ngọc Long	K15KTR1	8.5			7.5		6			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
12	152232973	Trần Khánh Linh	K15KTR1	10			10		7.5			6	7.4	Bảy phẩy Bốn		
13	152232951	Vũ Quyết Thắng	K15KTR2	8.5			10		9			4	6.3	Sáu phẩy Ba		
14	152232835	Huỳnh Bá Duyên	K15KTR2	10			5.5		4.5			4	5.2	Năm phẩy Hai		
15	152232826	Trần Quang Định	K15KTR2	10			9.5		7			6.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
16	152233031	Võ Quang Tiến	K15KTR2	10			6		8.5			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
17	152232921	Tô Ngọc Anh	K15KTR2	10			9		7			4	6.1	Sáu phẩy Một		
18	152232995	Nguyễn Xuân Trường	K15KTR2	10			6		6			4	5.5	Năm phẩy Năm		
19	152232849	Trần Viết Lê Hoàng Việt	K15KTR2	10			7.5		8.5			2	0.0	Không		
20	152232862	Ngô Đăng Điện	K15KTR2	10			6.5		7			5	6.3	Sáu phẩy Ba		
21	152232807	Nguyễn Văn Việt Chương	K15KTR2	6			4.5		4			6.5	5.8	Năm phẩy Tám		
22	152232859	Lưu Nhật Tuấn	K15KTR2	8.5			5.5		8.5			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
23	152236325	Tô Hữu Phước	K15KTR2	10			6		6			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba		
24	152232842	Lê Thị Thu Phượng	K15KTR3	10			4.5		5			7.5	7.1	Bảy phẩy Một		
25	152232968	Phan Thị Thanh Trà	K15KTR3	10			5		8			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
26	152232972	Phùng Minh Sơn	K15KTR3	8.5			5		5.5			5	5.6	Năm phẩy Sáu		
27	152232916	Trần Trung Thiên	K15KTR3	10			10		7.5			7.5	8.3	Tám phẩy Ba		
28	152232818	Lê Thị Mỹ Thuận	K15KTR3	10			5		7			6.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
29	152232855	Trần Nguyễn Trâm Anh	K15KTR3	8.5			4.5		7			4	5.2	Năm phẩy Hai		
30	152233058	Hoàng Trung Phong	K15KTR3	10			5		9.5			6	7.0	Bảy		
31	152233045	Lê Xuân Thắng	K15KTR4	8.5			5.5		4			2.5	0.0	Không		
32	152232976	Bùi Thị Diễm My	K15KTR4	10			5.5		8			8.5	8.2	Tám phẩy Hai		
33	152233059	Nguyễn Minh Trí	K15KTR4	10			5		5			6.5	6.6	Sáu phẩy Sáu		
34	152232856	Nguyễn Văn Thực	K15KTR4	10			8		6.5			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
35	152232979	Hoàng Đình	Hùng	K15KTR4	7			9.5		4			5.5	6.1	Sáu phẩy Một		
36	152232958	Phạm Khắc	Long	K15KTR4	7			8		6			5.5	6.2	Sáu phẩy Hai		
37	152233024	Nguyễn Thành	Trung	K15KTR4	10			8		5			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
38	152233011	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	K15KTR4	10			10		8			8.5	8.9	Tám phẩy Chín		
39	152232895	Phan Thanh	Nam	K15KTR4	10			7		7.5			8.5	8.4	Tám phẩy Bốn		
40	152232883	Nguyễn Thị Kim	Phượng	K15KTR5	10			8.5		7			7.5	8.0	Tám		
41	152232952	Đinh Quang	Văn	K15KTR5	10			7.5		7			6.5	7.3	Bảy phẩy Ba		
42	142231407	Trần Duy	Linh	K15KTR5	10			8.5		9			7	8.0	Tám		
43	152232964	Từ Thị	Dung	K15KTR5	10			8.5		7.5			5.5	6.9	Sáu phẩy Chín		
44	142234547	Nguyễn Thị Vi	Ta	K15KTR5	10			8		7			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
45	152232846	Nguyễn Việt	Anh	K15KTR5	8.5			7.5		9			5.5	6.8	Sáu phẩy Tám		
46	142231469	Nguyễn Thế	Kiên	K15KTR5	8.5			7		7			6	6.7	Sáu phẩy Bảy		
47	152232870	Hồ Thanh	Sơn	K15KTR5	8.5			8.5		4			5	5.9	Năm phẩy Chín		
48	152232021	Phan Hoàng	Hải	K15KTR5	8.5			8.5		6.5			8.5	8.2	Tám phẩy Hai		
49	152232985	Võ Thanh	Cầm	K15KTR5	10			9		4			7	7.3	Bảy phẩy Ba		
50	152232982	Nguyễn Minh	Tuấn	K15KTR5	10			8		9			4.5	6.5	Sáu phẩy Năm		
51	152232841	Trần	Thêm	K15KTR5	10			9.5		4.5			4	5.8	Năm phẩy Tám		
52	142234647	Trần Duy	Tân	K15KTR5	10			8		7.5			4	6.0	Sáu		
53	162233471	Phạm Xuân	Hà	K16KTR1	10			5		4.5			7	6.8	Sáu phẩy Tám		
54	162236505	Đặng Quốc	Huy	K16KTR1	10			4.5		6			4	5.3	Năm phẩy Ba		
55	162233563	Phạm	Phượng	K16KTR1	8.5			4		6			0.5	0.0	Không		
56	162233638	Phạm Bá	Vinh	K16KTR1	10			4.5		5			4.5	5.4	Năm phẩy Bốn		
57	162233481	Trần Lý Quang	Hào	K16KTR2	7			5.5		4			4	4.7	Bốn phẩy Bảy		
58	152232960	Nguyễn Minh	Hoàng	K16KTR2	10			8.5		5.5			4.5	6.1	Sáu phẩy Một		
59	162233521	Nguyễn Thanh	Lâm	K16KTR2	8.5			4.5		8.5			ĐC	0.0	Không		
60	162233535	Đoàn Quang	Minh	K16KTR2	4			4		5			3	0.0	Không		
61	162233547	Trương Công	Ngộ	K16KTR2	10			4.5		6			4	5.3	Năm phẩy Ba		
62	162237617	Phạm Tiến	Trung	K16KTR2	8.5			6.5		7.5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
63	162236435	Nguyễn Thị Bảo	Yến	K16KTR2	8.5			4.5		4			4	4.8	Bốn phẩy Tám		
64	162236709	Ngô Thị	Anh	K16KTR3	10			7.5		5			4.5	5.9	Năm phẩy Chín		
65	162233466	Nguyễn Thị Hường	Dương	K16KTR4	8.5			4.5		9.5			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
66	162233470	Nguyễn	Giàu	K16KTR4	10			7		7.5			5.5	6.7	Sáu phẩy Bảy		
67	162233545	Lê Mỹ	Ngân	K16KTR4	7			9		8			7.5	7.7	Bảy phẩy Bảy		
68	162233553	Hồ Văn	Nhàn	K16KTR4	6			6		6.5			5	5.5	Năm phẩy Năm		
69	162233568	Ngô Đình	Quế	K16KTR4	10			8.5		8.5			4	6.3	Sáu phẩy Ba		

BỘ GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN				DANH SÁCH SINH VIÊN DỰ THI KTHP * KHOÁ K16KTR ^{3/6} MÔN : CƠ LÝ THUYẾT 1 * SỐ TÍN CHỈ : 02 MÃ MÔN : MEC - 201										Học kỳ : Hè Lần thi : 1		
Thời gian : 13h30 - 10/07/2013																
STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F				
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%	SỐ	CHỮ		
70	162233580	Võ Đức	Thắng	K16KTR4	0			0		0			1.5	0.0	Không	
71	162233592	Nguyễn Quốc	Thạnh	K16KTR4	6			6.5		6.5			4	5.1	Năm phẩy Một	
72	162233641	Lê Minh	Vũ	K16KTR4	6			7.5		2			5.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
73	162233643	Võ Đình	Vương	K16KTR4	0			0		0			1	0.0	Không	
74	142234644	Bùi Đức	Lâm	K16KTR5	0			0		0			6	3.3	Ba phẩy Ba	
75	142234645	Hồ Hoài	Linh	K16KTR5	8.5			5.5		7.5			8	7.6	Bảy phẩy Sáu	
76	142211241	Hồ Chí	Nam	K16XDD3	8.5			10		9			8	8.5	Tám phẩy Năm	
77	152215928	Nguyễn Đăng	Tân	K16XDD3	0			0		0			V	0.0	Không	
78	171216362	Bùi Trung	Trực	K17XCD1	10			5.5		6.5			5.5	6.3	Sáu phẩy Ba	
79	171216214	Thái Duy	Bảo	K17XCD1	10			4.5		4.5			8	7.3	Bảy phẩy Ba	
80	171216343	Nguyễn Công	Thanh	K17XCD2	10			4.5		4			6	6.1	Sáu phẩy Một	
81	171213334	Nguyễn Quang	Tâm	C17XCDB	8.5			4		7			6.5	6.5	Sáu phẩy Năm	
82	161217211	Hà Vĩnh	Nghĩa	K16XCD2	5			4		4			8	6.4	Sáu phẩy Bốn	
83	132234901	Nguyễn Bá	Thắng	K13KTR1	7			4.5		7.5			7	6.7	Sáu phẩy Bảy	
84	161211020	Huỳnh Anh	Hiệp	C16XCD	8.5			9.5		5.5			8.5	8.2	Tám phẩy Hai	
85	161211007	Đình Mạnh	Cường	C16XCD	8.5			9.5		8.5			7	7.8	Bảy phẩy Tám	
86	161211039	Nguyễn Quốc	Phòng	C16XCD	7			9.5		4			3	0.0	Không	
87	161211024	Dương Đình	Huy	C16XCD	8.5			9.5		4.5			4	5.6	Năm phẩy Sáu	
88	161212248	Lê Văn	Dũng	C16XCDB	8.5			4		8.5			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
89	161212270	Lê Minh	Tuấn	C16XCDB	8.5			10		7.5			4.5	6.4	Sáu phẩy Bốn	
90	171213320	Trần Văn	Hiệp	C17XCDB	8.5			4		4			4	4.7	Bốn phẩy Bảy	
91	171213313	Hoàng Như Anh	Tân	C17XCDB	10			5		8			4	5.7	Năm phẩy Bảy	
92	171213319	Nguyễn Văn	Lưu	C17XCDB	10			5		5			4	5.2	Năm phẩy Hai	
93	171213322	Ông Trần	Phương	C17XCDB	10			5		5.5			7.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
94	171213332	Trần Quốc	Việt	C17XCDB	10			5		7			8	7.7	Bảy phẩy Bảy	
95	171213314	Phan Tư	Thiện	C17XCDB	8.5			5		4			2	0.0	Không	
96	171213328	Trần Quang	Lâm	C17XCDB	8.5			4.5		4			5.5	5.6	Năm phẩy Sáu	
97	171213325	Nguyễn Văn	Hiền	C17XCDB	10			4.5		4			4.5	5.3	Năm phẩy Ba	
98	171213335	Phan Quang	Thông	C17XCDB	7			4		4			2.5	0.0	Không	
99	171213315	Vương Đình	Khánh	C17XCDB	7			6.5		4			7	6.5	Sáu phẩy Năm	
100	K11.114.029	Huỳnh Phan	Quốc	K11XD	5			4		8			5	5.0	Năm	
101	131218097	Nguyễn Đại	Sơn	K13XCD1	7			5		7.5			4.5	5.4	Năm phẩy Bốn	
102	132214535	Nguyễn Công	Quang	K14XDD2	5			5		6.5			5.5	5.5	Năm phẩy Năm	
103	142231455	Lê Ngọc	Tuấn	K14KTR2	10			5		6			6	6.5	Sáu phẩy Năm	
104	141214929	Nguyễn Tuấn	Duy	K14XCD	8.5			10		8.5			9	9.0	Chín	

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ	TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
					A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
					15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
105	142211191	Nguyễn Tấn	Chuẩn	K14XDD2	7			6		4.5			V	0.0	Không		
106	142211257	Trần Văn	Quốc	K14XDD3	10			8.5		4.5			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
107	152232906	Võ Thế	Hào	K15KTR1	8.5			8.5		5			4	5.5	Năm phẩy Năm		
108	152232901	Trần Nhật	Hào	K15KTR2	8.5			8.5		6.5			6	6.8	Sáu phẩy Tám		
109	152232808	Dương	Tùng	K15KTR3	8.5			7		8			4	5.7	Năm phẩy Bảy		
110	152233056	Đặng Văn	Thuận	K15KTR5	10			9		4			5	6.2	Sáu phẩy Hai		
111	152233034	Nguyễn Thanh	Pháp	K15KTR5	10			6		7			7.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		
112	151212103	Hoàng Ngọc	Thanh	K15XCD2	8.5			6.5		7.5			8	7.8	Bảy phẩy Tám		
113	152222778	Trương Xuân	Hoàng	K15XDC	10			7.5		7.5			7.5	7.9	Bảy phẩy Chín		
114	152222791	Trần Việt	Long	K15XDC	10			5.5		7			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
115	152212651	Lê Kỳ	Trung	K15XDD1	8.5			10		8.5			9.5	9.3	Chín phẩy Ba		
116	152212658	Lê Đình	Chinh	K15XDD1	10			7		7.5			9.5	8.9	Tám phẩy Chín		
117	152212667	Phạm Ngọc	Hiếu	K15XDD1	10			10		9.5			6	7.7	Bảy phẩy Bảy		
118	152212705	Trần Văn	Tùng	K15XDD1	10			10		6.5			9.5	9.2	Chín phẩy Hai		
119	152212638	Trần Huỳnh	Đúng	K15XDD1	8.5			9.5		6			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai		
120	152215524	Trần Long	Giang	K15XDD1	10			7.5		9			5.5	7.0	Bảy		
121	152212689	Nguyễn Gia	Tuấn	K15XDD1	9			10		10			9	9.3	Chín phẩy Ba		
122	152212013	Lê Vĩnh	Linh	K15XDD1	10			8.5		7			8	8.2	Tám phẩy Hai		
123	152212637	Ngô Duy	Bình	K15XDD1	10			10		9.5			9.5	9.7	Chín phẩy Bảy		
124	152212727	Võ Huỳnh	Khải	K15XDD1	10			10		10			10	10.0	Mười		
125	152212639	Ngô Minh	Nhân	K15XDD1	10			10		8.5			10	9.8	Chín phẩy Tám		
126	152313941	Lê Xuân	Sang	K15XDD2	10			10		4			5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
127	152212732	Đào Tiến	Thường	K15XDD2	8.5			8		6			5.5	6.4	Sáu phẩy Bốn		
128	152212696	Trịnh Ngọc	Thắng	K15XDD2	10			8.5		7.5			9	8.9	Tám phẩy Chín		
129	152212706	Hoàng Đức	Đạt	K15XDD2	10			10		9.5			10	9.9	Chín phẩy Chín		
130	152215829	Trương Xuân	Vinh	K15XDD2	10			9		9.5			10	9.8	Chín phẩy Tám		
131	152212718	Trần Ngọc	Nam	K15XDD2	10			8.5		8			9	8.9	Tám phẩy Chín		
132	152212652	Trần	Học	K15XDD2	10			9		8.5			8.5	8.8	Tám phẩy Tám		
133	152212731	Trần Thành	Khâm	K15XDD2	8.5			7.5		4			9	8.0	Tám		
134	152212741	Huỳnh Minh	Lâm	K15XDD3	10			7		9			9	8.9	Tám phẩy Chín		
135	152216454	Võ Anh	Quốc	K15XDD3	10			7		9			9	8.9	Tám phẩy Chín		
136	161216888	Nguyễn Văn	Minh	K16XCD2	7			7.5		6			4.5	5.6	Năm phẩy Sáu		
137	162223403	Lê Duy	Ngọc	K16XDC1	10			8		7.5			9	8.8	Tám phẩy Tám		
138	162226923	Tăng Thị Xuân	Thảo	K16XDC1	5			5		8			9	7.7	Bảy phẩy Bảy		
139	162223368	Nguyễn Đăng	Dũng	K16XDC2	10			5		4.5			8.5	7.6	Bảy phẩy Sáu		

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP										ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G	F	SỐ	CHỮ		
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%				
140	162223361	Đinh Vũ	Chánh	K16XDC2	10			7.5		9			8	8.4	Tám phẩy Bốn	
141	162227671	Phạm Hòa	Lộc	K16XDC2	7			7		9			8	7.9	Bảy phẩy Chín	
142	162223382	Trần Đình	Hoàn	K16XDC2	10			9		7.5			7.5	8.1	Tám phẩy Một	
143	162223381	Đặng Công	Hiếu	K16XDC2	10			8		4			9	8.3	Tám phẩy Ba	
144	162223364	Nguyễn Hồ	Cường	K16XDC2	10			9		9			9	9.2	Chín phẩy Hai	
145	162213268	Trần Hải	Nam	K16XDD3	10			7		8			7	7.6	Bảy phẩy Sáu	
146	162213285	Đặng Phương	Quang	K16XDD3	0			0		0			V	0.0	Không	
147	171218857	Phan Tuấn	Nam	K17XCD1	10			7		8.5			7	7.7	Bảy phẩy Bảy	
148	171216334	Nguyễn Văn	Tấn	K17XCD1	8.5			5		5			4	5.0	Năm	
149	171216258	Nguyễn Thái	Hoàng	K17XCD1	10			8		6.5			8	8.1	Tám phẩy Một	
150	171216223	Trần Thanh	Chỉnh	K17XCD2	9			4		9.5			4	5.6	Năm phẩy Sáu	
151	171216322	Nguyễn Mạnh	Quốc	K17XCD2	7			9		8			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
152	171216367	Mai Thế	Trung	K17XCD2	10			7		6			4.5	5.9	Năm phẩy Chín	
153	171216271	Phạm Văn	Hướng	K17XCD2	5			5		6			6	5.7	Năm phẩy Bảy	
154	171216324	Lê Thái	Quý	K17XCD3	10			8		6			5.5	6.6	Sáu phẩy Sáu	
155	171216264	Nguyễn	Hùng	K17XCD3	10			5.5		7			6.5	7.0	Bảy	
156	171216292	Hoàng Thanh	Nam	K17XCD3	10			7.5		0			6	5.9	Năm phẩy Chín	
157	171216280	Tô Văn	Lân	K17XCD3	10			7		7			6	6.9	Sáu phẩy Chín	
158	171216373	Châu Ngọc	Tú	K17XCD4	8.5			6		6			7	6.9	Sáu phẩy Chín	
159	171216385	Trần Quốc	Việt	K17XCD4	8.5			8.5		7			6.5	7.2	Bảy phẩy Hai	
160	171216381	Phạm Thanh	Tùng	K17XCD4	6			5		0			4	3.9	Ba phẩy Chín	
161	171218850	Phạm Thanh	Nam	K17XCD4	4			4		9			1.5	0.0	Không	
162	172216547	Hà Tấn	Phát	K17XDC	10			7		7			6	6.9	Sáu phẩy Chín	
163	162223383	Phạm Xuân	Hoàng	K17XDC	8.5			7		9			7	7.5	Bảy phẩy Năm	
164	142211262	Đỗ Thái	Sơn	K15XDD2	10			8		7.5			9	8.8	Tám phẩy Tám	
165	111150463	Nguyễn Hồng	Vân	K14XDC	0			0		0			V	0.0	Không	
166	131217992	Nguyễn Tiến	Dũng	K13XCD2	7			5		5			V	0.0	Không	

BẢNG THỐNG KÊ SỐ LIỆU

STT	NỘI DUNG THỐNG KÊ	SỐ	TỶ LỆ	GHI CHÚ
1	Số sinh viên đạt	147	89%	
2	Số sinh viên nợ	19	11%	
TỔNG CỘNG :		166	100%	

Thời gian : 13h30 - 10/07/2013

STT	MÃ SINH VIÊN	HỌ VÀ TÊN	LỚP	ĐIỂM QUÁ TRÌNH HỌC TẬP & KTHP								ĐIỂM T. KẾT		GHI CHÚ
				A	P	Q	H	L	M	I	G			
				15%	0%	0%	15%	0%	15%	0%	0%	55%	SỐ	

VÕ QUỐC TOÀN

TRẦN THỊ LAN ANH

LÊ THỊ THU HÀ

ThS. NGUYỄN HỮU PHÚ